

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2023.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đặng Thị Hiệp.

- Ông Võ Khắc Chương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Mỹ D** sinh năm 1995; trú tại: Số 26B, đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông **Phạm Đăng S** sinh năm 1991; trú tại: Số 09/17, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Phạm Đăng S kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về làm ăn cũng như nuôi dạy con

cái, bản thân ông S không lo làm ăn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay ông S đang chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

- *Về con chung*: Bà và ông S có 01 con chung tên Phạm Đăng K sinh ngày 21/10/2015. Hiện nay con chung đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung cho đến ngày con chung thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Phạm Đăng S:

Tại Bản tự khai ngày 07/7/2023 ông S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ D kết hôn năm 2015, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại tổ 8A, thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 ông đi tù, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn rồi bỏ nhau, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ D.

- *Về con chung*: Ông và bà D có 01 con chung tên Phạm Đăng K sinh ngày 21/10/2015. Khi ly hôn ông yêu cầu giao con chung cho ông bà nội là ông Phạm Đăng T và bà Đỗ Thị Q trực tiếp nuôi cho đến ngày con chung thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Ông không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng ông không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà D có đơn yêu cầu không hoà giải, còn ông S đang chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hoà giải. Tòa đã thông báo về tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn giao nộp và Tòa án thu thập cho nguyên đơn, bị đơn được biết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, xử cho bà D với ông S ly hôn; giao bà D nuôi con chung tên K cho đến ngày con chung thành niên; ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn bà D với bị đơn ông S. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà D với ông Phạm Đăng S kết hôn năm 2014, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Theo bà D, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về làm ăn cũng như nuôi dạy con cái, bản thân ông S không lo làm ăn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay ông S đang chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông S. Theo ông S, nguyên nhân do ông đi tù nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu được ly hôn với bà D. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà D với ông S đã trầm trọng, kéo dài. Ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2019

đến nay và đều có yêu cầu được ly hôn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà D về việc ly hôn với ông S.

- *Về con chung*: Bà D với ông S không có 01 con chung tên Phạm Đăng K sinh ngày 21/10/2015. Hiện nay con chung đang sống với bà D. Khi ly hôn bà D yêu cầu được nuôi con chung cho đến ngày con chung thành niên. Ông S yêu cầu giao con chung cho ông bà nội là ông Phạm Đăng T và bà Đỗ Thị Q trực tiếp nuôi cho đến ngày con chung thành niên.

Xét thấy, ông S yêu cầu giao con chung cho ông bà nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là không đúng quy định, bởi lẽ con phải do cha mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên việc ông S yêu cầu giao cháu K cho ông bà nội nuôi là không có căn cứ chấp nhận. Hiện nay Sơn đang chấp hành án, không đủ điều kiện để nuôi con. Cháu K hiện do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, bà D yêu cầu nuôi cháu K cho đến ngày thành niên, cháu K cũng có nguyện vọng ở với mẹ, do đó để đảm bảo cho cháu K có cuộc sống ổn định cũng như điều kiện để cháu phát triển mọi mặt về thể chất, tinh thần và theo nguyện vọng của cháu nên giao cháu K cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên là phù hợp.

- *Về cấp dưỡng*: Bà D không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà D với ông S không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ D, xử cho bà Nguyễn Thị Mỹ D với ông Phạm Đăng S ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Đăng K sinh ngày 21/10/2015 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

3. Về cấp dưỡng: Ông Phạm Đăng S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, bà D đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013249 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

5. Về quyền kháng cáo: Bà D có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông S vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND H, huyện Đ,
tỉnh Lâm Đồng (Số 111, quyền số
01/2014);
- Lưu AV, HS.

Lê Thị Phụng Diễm